TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HS-ST.
Ngày 12/02/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Lợi;

Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 666/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 09/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 712/2025/QĐST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Kim T**, sinh ngày 09/3/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 12/7 Đường A, Khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha tên Bùi Văn T1 (chết), mẹ tên Hồ Thị H (sinh năm 1952); bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/5/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/5/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T trong quá trình tuần tra khi đến trước địa chỉ G đường L,

phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện Bùi Kim T điều khiển xe gắn máy biển số 59XB – 385.28 chở theo Võ Bé N có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra.

Qua kiểm tra phát hiện và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của T đang mặc 01 vỏ bao thuốc lá hiệu SAIGON, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu; trong hộc xe bên phải phía trước của xe gắn máy trên có thêm 01 vỏ bao thuốc lá hiệu SAIGON, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. T khai nhận 02 gói nylon chứa tinh thể không màu trên là ma tuý đá do T mua về với mục đích để bán lại cho người nghiện để kiếm lời; 02 gói ma túy này T mua của 01 người thanh niên tên L (không rõ lai lịch) ở gần khu vực vòng xoay L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/5/2024 với giá 2.800.000 đồng. Tổ công tác tiến hành thu giữ phương tiện, niêm phong ma túy và đưa T cùng N về trụ sở Công an phường A để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T.

Tại Công an phường A và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và thừa nhận ngày 03/5/2024 T đã bán ma túy cho Trương Tấn P được 01 lần với giá 200.000 đồng, tiền mua ma túy là do T đi làm thuê mà có. Việc mua, bán ma túy chỉ mình T thực hiện. Võ Bé N khai nhận: Tối ngày 06/5/2024, được bạn trai tên là Bùi Kim T rủ và chở đi ăn, khi đến trước địa chỉ G đường L, phường A, thành phố T thì bị công an kiểm tra và thu giữ 02 gói nylon chứa ma túy của T, N khai không biết và không tham gia bán ma túy cùng với T; N cũng không biết việc T cất giữ ma túy trong người, trên xe và chưa từng sử dụng ma túy.

Trên cơ sở lời khai của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành truy xét và phát hiện Trương Tấn P đang đi cùng với Nguyễn Hoàng L1 nên đã tiến hành đưa về trụ sở làm việc.

Trương Tấn P (nơi ở hiện nay: 22/19, Đường A, Khu phố A, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) khai nhận: Bắt đầu sử dụng ma túy từ khoảng năm 2017 đến nay nhưng không thường xuyên; P khai có mua ma túy của T được 01 lần vào ngày 03/5/2024 với giá 300.000 đồng/01 gói ma túy đá về để sử dụng cho bản thân và đã sử dụng hết; P liên lạc với T qua số điện thoại 0909122721 của T để đặt mua ma túy sau đó T tới nhà P giao ma túy và P trả tiền bằng chuyển khoản qua tài khoản Momo số 0909122721 của T.

Nguyễn Hoàng L1, (nơi ở hiện nay: Số A Đường C, Khu phố B, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) khai nhận: Tối ngày 06/5/2024, được bạn tên là Trương Tấn P rủ đi chơi, khi đang trên đường đi thì bị Công an kiểm tra và mời về

trụ sở Công an phường A làm việc. L1 khai nhận bản thân bắt đầu sử dụng ma túy từ khoảng tháng 4/2024 đến nay nhưng không thường xuyên; ma túy để sử dụng là do một người bạn tên T2 (không rõ lai lịch) cho L1 để sử dụng; L1 khai không quen biết và không mua ma túy của T.

Kết luận giám định số 5661/KL-KTHS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Kim T và hình dấu Công an phường A, thành phố T (ký hiệu m1) có khối lượng là 4,2451g, là Methamphetamine; Tinh thể không màu trong 01 gói nylon bên ngoài có chữ ký ghi tên Bùi Kim T và hình dấu Công an phường A, thành phố T (ký hiệu m2) có khối lượng là 0,3767g, là Methamphetamine.

Vật chứng và đồ vật thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 1). Bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định;

- 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 2). Bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S có gắn sim số 0909122721 và 0767767757 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được số sim, không hoạt động);

- 01 (một) xe gắn máy mang biển kiểm soát: 59XB-385.28 (đã quả sử dụng, không kiểm tra được chi tiết bên trong, không hoạt động).

Tại Bản cáo trạng số 05/CT-VKSTPTĐ ngày 11/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bùi Kim T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Kim Trọng phạm T3 "Mua bán trái phép chất ma túy"; trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo Trọng phạm T3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo thái độ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo T từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Về tang vật của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy đối với 02 gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 1, gói 2), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định; tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu S; giao trả lại cho bị cáo Bùi Kim T 01 chiếc xe gắn máy mang biển kiểm soát: 59XB-385.28.

- Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến trình bày khác.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, nội dung bản Cáo trạng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/5/2024, tại địa chỉ số G đường L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Bùi Kim T đã có hành vi tàng trữ tổng cộng 4,6218 gam loại

Methamphetamine với mục đích để bán kiếm lời nhưng chưa bán được cho ai thì bị phát hiện và bắt quả tang cùng với tang vật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý của Nhà nước và là nguy cơ dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện với khối lượng ma túy loại Methamphetamine tàng trữ để mua bán là 4,6218 gam, do đó hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản nêu trên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Trọng phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, mẹ ruột của bị cáo là bà Hồ Thị H là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trên cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nghiêm trọng nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi xem xét mức hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng: 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 1), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định và 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 2), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định. Xét thấy các vật chứng trên là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định.

- Đối với vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu S có gắn sim số 0909122721 và 0767767757 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được số sim, không hoạt động). Xét đây là điện thoại do bị cáo T sử dụng để liên lạc, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ.

- Đối với vật chứng: 01 (một) xe gắn máy mang biển kiểm soát: 59XB-385.28 (đã quả sử dụng, không kiểm tra được chi tiết bên trong, không hoạt động). Xét đây là tài sản của bị cáo T, bị cáo dùng để làm phương tiện đi lại hằng ngày, không liên quan đến hành viu phạm tội nên cần giao trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Kim T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[6] Về hành vi của các đối tượng khác:

- Đối với Võ Bé N, Trương Tấn P, Nguyễn Hoàng L1 không biết việc T có cất giữ ma túy trong người, không liên quan gì đến số ma túy cơ quan Công an thu giữ của T nên không có căn cứ xử lý hình sự.

- Đối với đối tượng tên L là người bán ma túy cho T nhưng không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét khi nào có kết quả thì xử lý sau.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo Bùi Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Bùi Kim Trọng phạm T3** "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Kim T **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 1), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định và 01 (một) gói niêm phong ghi vụ: 1725/24 (gói 2), bên trong chứa mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định.

- Tuyên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu S có gắn sim số 0909122721 và 0767767757 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được số sim, không hoạt động).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Kim T: 01 (một) xe gắn máy mang biển kiểm soát: 59XB-385.28 (đã quả sử dụng, không kiểm tra được chi tiết bên trong, không hoạt động).

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 110C ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Bùi Kim T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo Bùi Kim T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự TAND TP.Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 – Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời